

BẢNG TỔNG HỢP

Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản) của hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh An Giang theo đề xuất của các cơ quan, đơn vị có liên quan
(Kèm Công văn số: 4151/STC-GCS ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính)

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
I	Sở Du lịch: Công văn số 1411/SDL-QLDL ngày 21/4/2026		
1	Dịch vụ lưu trú	Có tối thiểu 10 buồng ngủ; có quầy lễ tân, phòng vệ sinh chung. Có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng và khách sạn bên đường. Có bếp, phòng ăn và dịch vụ phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nổi, khách sạn bên đường. Có giường, đệm, chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm; thay bọc đệm, bọc chăn, bọc gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới. Có nhân viên trực 24 giờ mỗi ngày.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
2	Dịch vụ tham quan, du lịch tại các khu du lịch, điểm du lịch, địa điểm tham quan trên địa bàn	Điểm du lịch, khu du lịch theo quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân tỉnh và các địa điểm tham quan trên địa bàn tỉnh có tổ chức các hoạt động tham quan, ăn uống, vui chơi giải trí... phục vụ khách du lịch và thu giá dịch vụ, trừ các địa điểm thực hiện thu phí tham quan theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí; Dịch vụ vận chuyển khách du lịch; dịch vụ ăn uống, mua sắm, thể thao, vui chơi giải trí, chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch tại khu du lịch, điểm du lịch, địa điểm tham quan trên địa bàn tỉnh, trừ các dịch vụ thực hiện thu phí tham quan theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
II	Sở Xây dựng: Công văn số 4198/SXD-QLVT ngày 07/5/2026		
1	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi phải có sức chứa dưới 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) có niên hạn sử dụng không quá 12 năm; có gắn thiết bị tính tiền theo quãng đường hoặc phần mềm tính tiền điện tử; Có đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe taxi theo quy định của pháp luật; Có phù hiệu “XE TAXI” và niêm yết thông tin doanh nghiệp, giá cước theo quy định; Giá dịch vụ phụ thuộc vào quãng đường vận chuyển, thời gian chờ và các yếu tố chi phí đầu vào như nhiên liệu, nhân công, khấu hao phương tiện; Hoạt động linh hoạt theo nhu cầu của hành khách, không theo tuyến cố định.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
2	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sử dụng phương tiện vận tải (đường bộ, đường thủy) phục vụ khách du lịch theo hợp đồng hoặc theo chương trình du lịch; Có đăng ký kinh doanh vận tải du lịch theo quy định của pháp luật; Phương tiện đảm bảo điều kiện an toàn kỹ thuật, bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; phương tiện vận tải (đường bộ, đường thủy) phải được cấp biển hiệu vận tải khách du lịch và niêm yết theo quy định. Giá dịch vụ phụ thuộc vào quãng đường vận chuyển và các yếu tố chi phí đầu vào như nhiên liệu, nhân công, khấu hao phương tiện; Hoạt động linh hoạt theo nhu cầu của hành khách, không theo tuyến cố định.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
3	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sử dụng tàu, phương tiện thủy đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký phương tiện và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện theo quy định; Hoạt động theo tuyến có xác định cảng, bến nơi đi và cảng, bến nơi đến với lịch trình, hành trình cụ thể phục vụ nhu cầu đi lại hành khách, vận chuyển hàng hóa giữa các địa phương, khu vực, từ bờ ra đảo, nối các đảo theo quy định; Có niêm yết giá vé, giá cước vận chuyển và chất lượng dịch vụ phục vụ hành khách, các chính sách ưu đãi cho hành khách theo quy định; Giá dịch vụ hàng hóa, hành khách phụ thuộc vào cự ly vận chuyển, các chi phí cấu thành giá đầu vào như nhiên liệu, nhân công, khấu hao phương tiện và điều kiện khai thác; Đơn vị tính theo ghế cho 01 hành khách/km hoặc ghế cho 01	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		hành khách/chặng hoặc ghế cho 01 hành khách/toàn tuyến	
4	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Được đầu tư xây dựng hoặc tổ chức khai thác trên các khu đất, công trình phù hợp quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Có tổ chức quản lý, vận hành, đảm bảo an ninh, an toàn tài sản cho người gửi xe và đảm bảo vệ sinh môi trường; Có niêm yết giá dịch vụ công khai theo quy định; Giá dịch vụ phụ thuộc vào vị trí, thời gian gửi, loại phương tiện và điều kiện cơ sở vật chất; Không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
5	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)		
-	Đá xây dựng	Đá xây dựng (cường độ nén, kích thước)	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Cát xây dựng	Cát xây dựng theo TCVN 7572:2006 (mô đun độ lớn)	
IV	Sở Nông nghiệp và Môi trường: Công văn số 4789/SNNPTNT-KHTC ngày 13/5/2026		
1	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp		
-	Lúa	OM 18 (thời gian sinh trưởng: 95–100 ngày).	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
		OM 5451 (thời gian sinh trưởng: 90-95 ngày).	
		Đài thơm 8 (thời gian sinh trưởng: 100-105 ngày).	

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		OM 6976 (thời gian sinh trưởng: 95-100 ngày).	
		IR50404 (thời gian sinh trưởng: 85-90 ngày).	
-	Heo		
+	Yorkshire	<p>Toàn thân có da màu trắng, lông có ánh vàng.</p> <p>- Lợn đực hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg):</p> <p>+ Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 700.</p> <p>+ Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,5.</p> <p>- Lợn cái hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg):</p> <p>+ Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 600.</p> <p>+ Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,5.</p> <p>- Lợn nái sinh sản:</p> <p>+ Tuổi đẻ lứa đầu, tính bằng ngày, không lớn hơn: 380</p> <p>+ Số lứa đẻ/nái/năm, tính bằng lứa, không nhỏ hơn: 2,1</p>	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
+	Landrace	<p>Toàn thân có da, lông màu trắng.</p> <p>- Lợn đực hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg):</p> <p>+ Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 700.</p> <p>+ Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,5.</p> <p>- Lợn cái hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg):</p> <p>+ Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 600.</p> <p>+ Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,5.</p> <p>- Lợn nái sinh sản:</p>	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		+ Tuổi đẻ lứa đầu, tính bằng ngày, không lớn hơn: 380. + Số lứa đẻ/nái/năm, tính bằng lứa, không nhỏ hơn: 2,1	
+	Duroc	Toàn thân da, lông có màu hung đỏ hoặc nâu thẫm. - Lợn đực hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg): + Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 730. + Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,4. - Lợn cái hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg): + Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 620. + Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,4. - Lợn nái sinh sản: + Tuổi đẻ lứa đầu, tính bằng ngày, không lớn hơn: 385. + Số lứa đẻ/nái/năm, tính bằng lứa, không nhỏ hơn: 1,9	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
+	Pietrain	Toàn thân da, lông có những đốm màu xám đen và trắng xen lẫn không đều. - Lợn đực hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg): + Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 730. + Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,4. - Lợn cái hậu bị (từ 30 kg đến 100 kg): + Khả năng tăng khối lượng/ngày, tính bằng gam, không nhỏ hơn: 620. + Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng, tính bằng kilogam, không lớn hơn: 2,4. - Lợn nái sinh sản: + Tuổi đẻ lứa đầu, tính bằng ngày, không lớn hơn: 385.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		+ Số lứa đẻ/nái/năm, tính bằng lứa, không nhỏ hơn: 1,8.	
-	Vịt		
+	Vịt Hòa Lan	Lông màu cánh nhạn, hoặc có màu trắng; lông đầu và cánh xám hoặc xanh đen. Khối lượng vịt lúc 01 ngày tuổi, tính bằng gam: ≥ 45	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
+	Vịt TC	Lông màu cánh nhạn, từ 0,1 % đến 0,2 % có màu trắng, lông đầu xám hoặc xanh đen cổ có khoang trắng, phần thân có màu nâu đỏ xen lẫn lông trắng. Khối lượng vịt lúc 01 ngày tuổi, tính bằng gam: ≥ 40	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
+	Vịt biển	Lông màu cánh, cổ có khoang trắng, lông cánh màu xanh đen. Khối lượng vịt lúc 01 ngày tuổi, tính bằng gam: ≥ 40	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Tôm		
+	Tôm sú	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn: PL15 - Chiều dài thân: ≥ 11 mm - Cơ thể hoàn chỉnh, không dị hình - râu thẳng, đuôi xòe - Bơi ngược dòng khỏe, phản xạ nhanh - Ruột đầy thức ăn liên tục - Tỷ lệ khác cỡ $\leq 10\%$ - Không nhiễm WSSV, YHV và các bệnh nguy hiểm theo quy định 	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
+	Tôm thẻ chân trắng	<ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn: PL12 - Chiều dài thân: 9–11 mm - Cơ thể hoàn chỉnh, không dị hình - Có 2–4 gai trên chủy - râu thẳng, đuôi xòe 	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		<ul style="list-style-type: none"> - Bơi thành đàn ngược dòng liên tục - Ruột chứa đầy thức ăn, không đứt đoạn - Sốc formol 100 ppm/30 phút: sống 100% - Sốc độ mặn 0‰/30 phút: sống 100% - Không nhiễm WSSV, YHV, TSV, IHHNV... 	
+	Tôm càng xanh	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thái hoàn chỉnh như tôm trưởng thành, thân và phụ bộ không tổn thương - Màu xám nhạt hoặc xám trong - Tôm bơi hướng về phía trước, phản ứng nhanh với ánh sáng và chướng ngại vật - Bám chắc vào đáy và thành bể - Hoạt động mạnh khi ngưng sục khí - Chiều dài toàn thân: 11–13 mm - Tỷ lệ cá thể đạt chiều dài quy định $\geq 90\%$ - Bệnh đốm nâu: tỷ lệ cảm nhiễm $< 10\%$ - Bệnh động vật nguyên sinh: tỷ lệ cảm nhiễm $< 10\%$ - Bệnh đục thân: không xuất hiện (0%) 	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Cua biển	<ul style="list-style-type: none"> - Cua giống có đầy đủ phụ bộ - Màu vàng da bò hoặc vàng nâu tự nhiên - Hoạt động nhanh nhẹn, phản xạ tốt - Có khả năng bắt mồi - Chiều dài giáp đầu ngực ≥ 5 mm 	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cá thể đạt kích cỡ quy định $\geq 90\%$ - Không nhiễm bệnh đốm trắng do WSSV 	
-	Cá tra	<p>Đối với cá tra giống cỡ nhỏ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài toàn thân: từ 7 đến < 15 cm - Khối lượng: từ 3 đến < 10 g/con <p>Đối với cá tra giống cỡ lớn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài toàn thân: từ 15 đến < 20 cm - Khối lượng: từ 10 đến < 30 g/con <p>Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ dị hình $\leq 0,5\%$ - Cá bơi nhanh nhẹn, phản xạ tốt - Màu sắc tự nhiên, không xây xát - Cá khỏe mạnh, đồng đều kích cỡ - Không nhiễm bệnh gan thận mủ do Edwardsiella ictaluri gây ra - Tỷ lệ cá đạt kích cỡ quy định $\geq 90\%$ số mẫu kiểm tra 	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Cá rô phi đơn tính	<p>Đối với cá rô phi giống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài cá: > 25 mm - Khối lượng cá thể: > 1,0 g/con - Màu sắc tươi sáng, màu xanh sẫm đặc trưng - Tỷ lệ dị hình $\leq 1\%$ - Cá khỏe mạnh, phản xạ nhanh, bơi linh hoạt <p>Đối với cá rô phi đơn tính đực trong sản xuất thực tế:</p>	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
			Tổng hợp theo ý kiến đề

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ cá đực thường đạt $\geq 90-95\%$ Yêu cầu sức khỏe: <ul style="list-style-type: none"> - Âm tính với bệnh xuất huyết, lồi mắt do <i>Streptococcus agalactiae</i> - Âm tính với bệnh xuất huyết, viêm ruột do <i>Aeromonas hydrophila</i> 	xuất của đơn vị
V	Sở Công Thương: Công văn số 1649/SCT-QLTM ngày 06/5/2026		
1	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do nhà nước định giá		
-	Dịch vụ cho thuê cửa hàng, ki-ốt.	Công trình độc lập hoặc một/nhiều cửa hàng, ki-ốt được bố trí cố định trong phạm vi nhà lồng chợ theo thiết kế xây dựng chợ. Diện tích tối thiểu mỗi cửa hàng, ki-ốt từ 03 m ² trở lên. Có tường/vách ngăn riêng biệt. Có lối đi phù hợp với quy hoạch của chợ, đảm bảo công tác phòng cháy và chữa cháy (PCCC). Nền chợ phải được bê tông hóa. Có hệ thống điện, nguồn cấp điện. Có hệ thống nước, nguồn cấp nước	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Dịch vụ cho thuê diện tích đất để đặt quầy hàng, sạp hàng cố định trong nhà lồng chợ	Điểm kinh doanh được bố trí cố định trong phạm vi nhà lồng chợ theo thiết kế xây dựng chợ. Diện tích tối thiểu mỗi quầy hàng, sạp hàng từ 3 m ² trở lên. Có lối đi phù hợp với quy hoạch của chợ, đảm bảo công tác PCCC. Có hệ thống điện/nước, nguồn cấp điện/nước. Nền khu vực kinh doanh không đọng nước.	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Dịch vụ cho thuê diện tích đất để bán hàng ngoài nhà lồng chợ.	Điểm kinh doanh được bố trí trong phạm vi chợ. Có lối đi phù hợp với quy hoạch của chợ, đảm bảo công tác phòng cháy chữa cháy. Không đọng nước	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Dịch vụ thu sử dụng nhà vệ sinh.	Nhà vệ sinh bố trí cách biệt với khu kinh doanh thực phẩm và được xây dựng đáp ứng điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn nhà tiêu dৌ nước tự	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị

Số TT	Cơ quan, đơn vị đề xuất; tên gọi chi tiết của hàng hóa, dịch vụ	Chủng loại cụ thể/đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan, đơn vị đề xuất	Ý kiến của Sở Tài chính
		hoại. Phòng vệ sinh nam, nữ được bố trí riêng biệt, thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Được chiếu sáng đầy đủ. Có hệ thống cấp, thoát nước đầy đủ, nắp đầy ngăn mùi và dễ dàng thông tắc. Có vòi nước, giấy vệ sinh. Nền nhà không đọng nước. Chỗ rửa tay có thể bố trí trong hoặc ngoài nhà vệ sinh; có đủ dụng cụ, xà phòng, các chất tẩy rửa để vệ sinh và rửa tay; có bảng hướng dẫn quy trình rửa tay và bảng chỉ dẫn “Rửa tay sau khi đi vệ sinh” ở nơi dễ nhìn.	
-	Dịch vụ thu rác vệ sinh	Khối lượng rác thải trung bình một ngày, một hộ kinh doanh từ 2 kg/ngày đến 3 kg/ngày. Trang bị thùng chứa rác thải có nắp đầy kín tại các nơi công cộng trong chợ. Tại các vị trí đặt thùng rác công cộng có các biển thông báo giữ vệ sinh và chỉ dẫn bỏ rác đúng nơi quy định. Nơi tập trung rác thải phải cách ly với các không gian hoạt động của chợ, được bố trí tại các góc khuất, cạnh đường giao thông để xe thu gom rác dễ ra vào hàng ngày. Có các biện pháp phân loại rác thải. Có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày; tần suất vệ sinh trong ngày bố trí phù hợp với chợ, bảo đảm giữ chợ sạch sẽ. Phương thức thu gom rác phù hợp với phương thức thu gom rác của địa phương. Hướng vận chuyển rác thải không chồng chéo lên các luồng giao thông trong chợ. Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại bảo đảm không ảnh hưởng đến an toàn thực phẩm tại chợ	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị
-	Dịch vụ thu phương tiện vận tải cơ giới vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ	Là 01 trong các phương tiện cơ giới sau: Xe ba bánh; xe có tải trọng dưới 01 tấn; xe có tải trọng từ 01 tấn đến dưới 02 tấn; xe có tải trọng từ 02 tấn đến dưới 05 tấn; xe có tải trọng từ 05 tấn trở lên; xe công ten nơ (container) vận chuyển hàng hóa ra, vào chợ. Bãi đỗ xe phải được bê tông hóa. Có hệ thống ca-bin thu phí bán tự động trước cổng chợ, có phần mềm kiểm soát, xuất hóa đơn phương tiện vận tải ra vào chợ theo quy định của cơ quan thuế. Có bộ phận thực hiện công tác quản lý, sắp xếp, trông giữ phương tiện	Tổng hợp theo ý kiến đề xuất của đơn vị